

Số: 159/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 09 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản  
sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Báo cáo số 230/BC-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2021 và kế hoạch đầu tư công năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2022, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tổng vốn cân đối ngân sách địa phương kế hoạch 2022: 1.718.910 triệu đồng, bao gồm:

a) Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 396.110 triệu đồng,

b) Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.130.000 triệu đồng,

c) Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: 40.000 triệu đồng,

d) Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 152.800 triệu đồng.

*(Chi tiết các công trình, dự án như Biểu số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 kèm theo)*

## 2. Các giải pháp thực hiện:

a) Huy động tối đa các nguồn lực hiện có từ ngân sách địa phương; tranh thủ kịp thời các nguồn lực từ ngân sách Trung ương; đẩy mạnh xúc tiến, giới thiệu, quảng bá, tạo điều kiện thuận lợi để kêu gọi, thu hút các thành phần kinh tế khác đầu tư trên địa bàn; đề ra các giải pháp phù hợp để huy động sự tham gia đóng góp của nhân dân góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2022 của địa phương.

b) Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành nhằm tạo chuyển biến tích cực hơn trong quá trình triển khai thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư công. Nâng cao chất lượng quản lý dự án trong tất cả các khâu, từ khảo sát, thiết kế, thẩm định, giám sát chất lượng thi công. Nghiêm túc áp dụng công tác đấu thầu qua mạng theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ quy định nhằm tăng tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

c) Nghiêm cấm việc để xảy ra tình trạng phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; chỉ thực hiện khối lượng công việc trong phạm vi kế hoạch vốn đã phân bổ; không yêu cầu nhà thầu tự bỏ vốn thực hiện chuẩn bị đầu tư, thi công dự án khi chưa được bố trí vốn; chỉ tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu đã được bố trí vốn; thực hiện lập và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo tiến độ chung của dự án và kế hoạch vốn được giao. Việc tạm ứng ngân sách để giải quyết nhu cầu cấp bách phải chỉ rõ lộ trình và nguồn vốn thu hồi.

d) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và chịu hoàn toàn trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh nếu không thực hiện và giải ngân hết số vốn bố trí hay bị cắt giảm, thu hồi. Đồng thời, có chế tài xử lý nghiêm khắc đối với các tổ chức, cá nhân cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; Chịu trách nhiệm tự thu xếp nguồn vốn để thực hiện phần khối lượng tương ứng với phần vốn bị cắt giảm (nếu có).

e) Quyết liệt thực hiện việc điều chuyển vốn kế hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh đối với các dự án chưa giải ngân, dự án giải ngân không đạt kế hoạch, để bổ sung cho công trình, dự án có khối lượng nhưng thiếu vốn, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh có kế hoạch tổ chức 04 kỳ họp, dự kiến thời gian trong các tháng 4, tháng 7, tháng 10 và tháng 12. Đối với các nội dung điều chuyển vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động rà soát trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét tại kỳ họp.

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 7 tháng 4 năm 2022 về bố trí nguồn vốn, khả năng cân đối vốn của dự án Vía hè đường Hùng Vương (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Điện Biên Phủ) theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 21/04/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh để sớm triển khai thực hiện.

f) Đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác đầu tư. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát đầu tư. Tổ chức tốt công tác giám sát của cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư và xây dựng theo đúng quy định. Chủ động vận động thu hút các nguồn lực để tăng nguồn vốn đầu tư công, bổ sung cân đối cho các nhu cầu đầu tư phát triển của tỉnh.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, tp;
- Lưu VT, KTNS.

14b

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Quang**



**Biểu số 1**  
**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**  
**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch 2022	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.718.910</b>	
<b>A</b>	<b>ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ</b>	<b>396.110</b>	
<b>1</b>	<b>Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)</b>	<b>87.120</b>	Chi tiết tại biểu số 2
-	Giáo dục - đào tạo	79.200	
-	Khoa học công nghệ	7.920	
<b>2</b>	<b>Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)</b>	<b>93.803</b>	
-	Nhiệm vụ quy hoạch	30.000	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện
-	Ưu đãi đầu tư	1.000	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện
-	Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương	62.803	Chi tiết tại biểu số 3
<b>3</b>	<b>Cân đối theo tiêu chí (sau khi thực hiện đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh)</b>	<b>215.187</b>	
-	Cấp tỉnh quản lý (60%)	129.112	Chi tiết tại biểu số 4
-	Cấp huyện quản lý (40%)	86.075	Chi tiết tại biểu số 5
<b>B</b>	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>	<b>1.130.000</b>	
<b>1</b>	<b>Cấp tỉnh quản lý</b>	<b>717.000</b>	Chi tiết tại biểu số 6
-	Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở	450.000	
-	Nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng	260.000	
-	Nguồn thu đấu giá đất ở tại KKT TMĐB Lao Bảo	7.000	
<b>2</b>	<b>Cấp huyện quản lý</b>	<b>413.000</b>	Chi tiết tại biểu số 5
<b>C</b>	<b>XỔ SỐ KIẾN THIẾT</b>	<b>40.000</b>	Chi tiết tại biểu số 7
<b>D</b>	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>152.800</b>	Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện

*[Signature]*

*[Signature]*



**Biểu số 2**  
**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*



**ĐVT: Triệu đồng**

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Công suất thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch 2022	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: NSDP		
<b>TỔNG CỘNG</b>									
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</b>					<b>411.862</b>	<b>359.446</b>	<b>87.120</b>	
<b>1</b>	<b>Cấp tỉnh</b>					<b>386.246</b>	<b>336.946</b>	<b>79.200</b>	
*	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>					<b>246.546</b>	<b>234.346</b>	<b>47.500</b>	
-	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	6.472m <sup>2</sup>	19-21	949/QĐ-UBND ngày 02/05/2019	33.386	33.386	9.686	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Trường THCS&THPT Cồn Tiên, huyện Gio Linh	Gio Linh	2.035m <sup>2</sup>	21-23	100/NQ-HĐND 9/12/2020	14.900	14.900	3.600	
-	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hàng mục: Nhà học thực hành	Vĩnh Linh	2.013m <sup>2</sup>	21-23	101/NQ-HĐND 09/12/2020	14.900	14.900	3.600	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>								
-	Trường THPT Cam Lộ, Hàng mục: Nhà hiệu bộ và Nhà đa chức năng	Cam Lộ	NHB 972m <sup>2</sup> , NBN 800m <sup>2</sup>	22-24	42/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	12.000	10.000	2.500	
-	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Đông Hà	Thiết bị	22-24	114/NQ-HĐND 30/8/2021	4.000	4.000	3.000	
-	Trường THPT Triệu Phong, Hàng mục: Nhà chức năng, nhà học lý thuyết và thực hành	Triệu Phong	1.482m <sup>2</sup>	22-24	67/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của huyện TP	10.000	8.000	2.500	

*(Handwritten signature)*

STT	Danhs mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMĐT Trong đó: NSĐP		
-	Cải tạo nhà học đa năng Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị	Đông Hà	Cải tạo	22-24	134/NQ-HĐND 30/8/2021	3.550	3.550	1.500	
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, Hạng mục: Xây mới Giảng đường đa năng, Cải tạo và mở rộng Nhà hiệu bộ, Cải tạo Khối phòng học	Đông Hà	GĐDN: 1.496 m <sup>2</sup> ; NHB, PH 8 NĐN, 24 PTH, 3 NHB, 16 phòng TEKT, 1	22-24	120/NQ-HĐND 30/8/2021	24.414	19.214	3.614	
-	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị	Toàn tỉnh		22-25	115/NQ-HĐND 30/8/2021	104.896	104.896	11.000	
-	Hỗ trợ phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú								
+	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Nhà nội trú	Vĩnh Linh	24 phòng	21-23	4193/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	11.000	10.000	3.500	
+	Trường PTDT Nội trú Gio Linh; hạng mục: xây mới nhà ở nội trú, cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng và chỉnh trang khuôn viên	Gio Linh	XD mới 1.840m <sup>2</sup> , Cải tạo 1.700m <sup>2</sup>	22-24	15.1/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện GL	13.500	11.500	3.000	
2	<b>Cấp huyện</b>					<b>139.700</b>	<b>102.600</b>	<b>31.700</b>	
2.1	<b>Huyện Hướng Hóa</b>					<b>18.400</b>	<b>16.000</b>	<b>4.500</b>	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Trường mầm non xã A Túc	Hương Hóa	1430 m <sup>2</sup>	21-23	3587/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện HH	10.000	9.000	2.000	
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>								
-	Trường Tiểu học Hương Tân, hạng mục: Nhà hiệu bộ, công, hàng rào	Hương Hóa	Nhà hiệu bộ 362m <sup>2</sup>	22-24	50/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của huyện HH	4.000	3.500	1.000	

*Đa*



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMDT Trong đó: NSDP		
-	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành; Hạng mục: Nhà đa năng	Hương Hóa	398m <sup>2</sup>	22-24	50/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của huyện HH	1.900	1.500	700	
-	Trường Tiểu học và THCS Hương Việt; Hạng mục: Phòng học bộ môn	Hương Hóa	348m <sup>2</sup>	22-24	50/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của huyện HH	2.500	2.000	800	
<b>2.2</b>	<b>Huyện Đakrông</b>					<b>13.700</b>	<b>12.500</b>	<b>3.900</b>	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Nhà nội trú Trường PTTN Đakrông	Dakrông	736 m <sup>2</sup>	21-23	2711/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện Đakrông	5.500	5.000	1.500	
-	Trường THCS thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Nhà Hiệu bộ	Dakrông	388,8 m <sup>2</sup>	21-23	2715/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện Đakrông	2.700	2.500	1.200	
-	Trường tiểu học thị trấn Krông Klang; Hạng mục: Nhà 2 tầng 08 phòng học	Dakrông	1.070m <sup>2</sup>	21-23	2710/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện Đakrông	5.500	5.000	1.200	
<b>2.3</b>	<b>Huyện Cam Lộ</b>					<b>16.000</b>	<b>9.500</b>	<b>3.000</b>	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Trường mầm non Tuổi Hoa, xã Thanh An	Cam Lộ	750m <sup>2</sup>	21-23	2673/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện CL	10.000	5.500	1.800	
-	Trường mầm non Bình Minh, xã Cam Chính	Cam Lộ	580m <sup>2</sup>	21-23	2674/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện CL	6.000	4.000	1.200	
<b>2.4</b>	<b>Huyện Hải Lăng</b>					<b>12.600</b>	<b>11.200</b>	<b>3.400</b>	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
					3				

*Handwritten signature and initials*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSĐP		
-	Trường TH và THCS Hải Chánh, hạng mục: Nhà học bộ môn	Hải Lăng	750m <sup>2</sup>	21-23	968/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của huyện HL	4.500	4.000	1.200	
-	Trường TH&THCS Thiện Thành, hạng mục: Nhà học bộ môn	Hải Lăng	750m <sup>2</sup>	21-23	967/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của huyện HL	4.500	4.000	1.200	
-	Trường TH&THCS Hải Ba, hạng mục: phòng học	Hải Lăng	600m <sup>2</sup>	21-23	966/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của huyện HL	3.600	3.200	1.000	
<b>2.5</b>	<b>Huyện Triệu Phong</b>					<b>15.500</b>	<b>13.500</b>	<b>3.500</b>	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Trường Mầm non Triệu Sơn, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	21-23	2418/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của huyện TP	4.000	3.500	1.000	
-	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	21-23	2410/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của huyện TP	4.000	3.500	1.100	
-	Trường Mầm non Triệu Giang, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	21-23	2419/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của huyện TP	4.000	3.500	1.100	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>								
-	Trường THCS Triệu An, hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Triệu Phong	6 phòng học	22-24	65/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của huyện TP	3.500	3.000	300	
<b>2.6</b>	<b>Huyện Vĩnh Linh</b>					<b>9.800</b>	<b>8.800</b>	<b>3.600</b>	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT	Trong đó: NSDP		
-	Trường TH&THCS xã Vĩnh Hòa (điểm trường THCS), hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học bộ môn	Vĩnh Linh	6 phòng học	21-23	4194/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	4.000	3.600	1.300	
-	Trường Mầm non số 2 Kim Thạch, hạng mục: Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng	Vĩnh Linh	770 m <sup>2</sup>	21-23	4195/QĐ-UBND 3/12/2020 của huyện VL	4.000	3.600	1.300	
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>								
-	Trường Tiểu học Kim Đồng huyện Vĩnh Linh; hạng mục: Xây dựng tầng 2, 3 phòng học	Vĩnh Linh	3 phòng học	22-24	28/NQ-HĐND 24/6/2021 của HĐND huyện VL	1.800	1.600	1.000	
2.7	<b>Huyện Gio Linh</b>					<b>13.000</b>	<b>11.800</b>	<b>3.500</b>	
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>								
-	Trường mầm non Phong Bình số 1, hạng mục 6 phòng học	Gio Linh	6 phòng học	21-23	4381/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của huyện GL	4.800	4.300	1.200	
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>								
-	Trường THCS thị trấn Gio Linh, Hạng mục: Nhà học bộ môn	Gio Linh	3 tầng, 1.190m <sup>2</sup>	22-24	15.2/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện GL	8.200	7.500	2.300	
2.8	<b>TX Quảng Trị</b>					<b>10.700</b>	<b>8.300</b>	<b>2.700</b>	
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>								
-	Trường TH và THCS Hải Lệ, hạng mục: Bếp ăn, Nhà ăn, nhà bán trú điểm trường tiểu học thôn Tích Tường	TX Quảng Trị	Nhà ăn bán trú	21-22	1331/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Tx Q. Trị	1.200	1.000	500	
-	Trường THCS Thanh Cổ, thị xã Quảng Trị (giai đoạn 1)	TX Quảng Trị	18 phòng học	21-23	1333/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của Tx Q. Trị	9.500	7.300	2.200	
2.9	<b>TP Đông Hà</b>					<b>30.000</b>	<b>11.000</b>	<b>3.600</b>	

*Handwritten signature*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMĐT	Trong đó: NSĐP		
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Trường THCS Nguyễn Trãi (giai đoạn 2), hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà học đa năng, sân thể thao và các hạng mục phụ trợ khác	Đông Hà	1.796m <sup>2</sup>	21-23	2998/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đ. Hà	30.000	11.000	3.600	
<b>II</b>	<b>KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ</b>					<b>25.616</b>	<b>22.500</b>	<b>7.920</b>	
<b>I</b>	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	Thiết bị	21-23	99/NQ-HĐND 9/12/2020 1338/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	25.616	22.500	7.920	



Biểu số 3

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022

NGUỒN VỐN ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN ODA THUỘC TRÁCH NHIỆM NGÂN SÁCH TẬP TRUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2022	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn)	TMĐT			
							Vốn đối ứng	Trong đó: NSDP		
1	<b>TỔNG SỐ</b> Y tế, dân số và gia đình <i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>					3.103.690	581.496	361.730	62.803	
-	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	xây dựng các trạm Y tế	2020-2024	710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.049	31.035	31.035	10.000	
2	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b> <i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>									
-	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL		2019-2023	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	248.443	72.982	72.982	18.800	
3	<b>Giao thông</b> <i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>									

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2022	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn)	TMĐT			
							Tổng số	Vốn đối ứng		
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông	ĐH, LB	Phát triển đô thị	2013-2022	2780/QĐ-UBND ngày 14/10/2019; 971/QĐ-UBND ngày 27/4/2021	2.446.087	436.411	216.645	22.391	
4	<b>Du lịch</b> <b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>									
-	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiêu dự án Quảng Trị	Gio Linh	BTCĐ; hệ thống xử lý nước thải, VSMT	2018-2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018, 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	41.068	11.612	

*PN*



**Biểu số 4**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022**  
**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI PHÂN CẤP DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**DVT: Triệu đồng**

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSDP		
	<b>TỔNG CỘNG</b>								
<b>I</b>	<b>HOÀN TRẢ ỨNG TRƯỚC</b>					<b>593.237</b>	<b>368.643</b>	<b>129.112</b>	
-	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu ven biển							60	
-	Cầu Cam Hiếu							1.593	
<b>II</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>							<b>2.000</b>	Giao Sở KHĐT thông báo chi tiết danh mục
<b>III</b>	<b>QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH</b>							<b>16.000</b>	
<b>IV</b>	<b>ĐẦU TƯ NGÀNH, LĨNH VỰC</b>					<b>593.237</b>	<b>368.643</b>	<b>109.459</b>	
<b>1</b>	<b>Quốc phòng</b>								
*	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>								
-	Cơ sở khám chữa bệnh tại thôn Cù Bai, xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	170 m2	21-22	1213/QĐ-UBND 20/5/2021	2.000	2.000	1.000	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Công trình CH5-02 (giai đoạn 2)	MẬT	MẬT	MẬT	66/QĐ-UBND 5/5/2021	31.000	31.000	1.000	+ Vốn đầu giá đất 14 tỷ
<b>2</b>	<b>An ninh và trật tự, an toàn xã hội</b>								
*	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>								
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	TX Quảng	9984 m2	19-22	1071/QĐ-UBND 13/5/2019	10.000	10.000	2.800	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>								

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT	Trong đó: NSĐP		
-	Trụ sở công an xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	377 m2	22-24	132/NQ-HĐND 30/8/2021	3.000	3.000	1.500	
-	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	90 m2	22-23	16/NQ-HĐND 24/6/2021 của huyện VL	1.100	1.000	1.000	+ Vốn NS huyện
<b>3</b>	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>								
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>								
-	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh - Hạng mục: Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm	Vĩnh Linh	1680 m2	21-23	4599/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện VL	19.000	16.000	7.000	+ Vốn NS huyện
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>								
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m2 + cải tạo, sửa chữa	22-26	121/NQ-HĐND 30/8/2021	74.500	18.000	3.000	
<b>4</b>	<b>Văn hóa, thông tin</b>								
*	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</b>								
-	Nhà văn hóa huyện Gio Linh	Gio Linh	450 chỗ	20-22	3625/QĐ-UBND 30/10/2020 UBND huyện GL	32.240	15.000	10.000	+ Vốn NS huyện
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	2.857m2	20-22	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	4.000	+ Vốn NS huyện
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>								
-	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	3.600 m2	22-24	11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của Tx QT	44.460	20.000	5.000	+ Vốn NS huyện
<b>5</b>	<b>Phát thanh, truyền hình, thông tin</b>								
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>								



STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Công suất thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2022	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
-	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	Thiết bị	22-24	117/NQ-HĐND 30/8/2021	15.000	15.000	3.000		
-	Nhà đặt máy phát thanh, truyền hình tại Trung tâm truyền hình kỹ thuật số	Đông Hà	435 m2	22-23	118/NQ-HĐND 30/8/2021	4.000	4.000	2.000		
6	<b>Bảo vệ môi trường</b>									
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>									
-	Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	Hải Lăng	1.220m3/ ngày đêm	22-24	8b/NQ-HĐND ngày 23/6/2021 của huyện HL	13.500	10.000	3.000	+ Vốn NS huyện	
7	<b>Giao thông</b>									
*	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</b>									
-	Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị	TX Quảng Trị	26 tuyến đường	19-22	1915/QĐ-UBND 12/7/2017 69/NQ-HĐND 10/11/2020	119.856	50.000	14.000	+ Vốn NS huyện	
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>									
-	Đường Dương Văn An (kéo dài), thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	2429 m	21-23	1530/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 của huyện CL	27.000	16.000	5.000	+ Vốn NS huyện	
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>									
-	Đường giao thông liên thôn Mã Lai-Tân Pun, xã Hương Phùng, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	2950m	22-24	133/NQ-HĐND 30/8/2021	8.300	8.300	2.500		
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)	Đakrông	3,63 km	22-24	13/NQ-HĐND 30/6/2021 của huyện ĐK	15.000	15.000	4.000	+ Vốn NS huyện	
8	<b>Khu công nghiệp và khu kinh tế</b>									
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>									

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMBT	Trong đó: NSĐP		
-	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh	Hải Lăng	954,3 m	22-24	8c/NQ-HĐND ngày 23/6/2021; 59/NQ-HĐND ngày 12/10/2021 của huyện HL	13.000	10.000	3.000	+ Vốn NS huyện
9	<b>Thương mại</b>								
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>								
-	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	132 lô quây	22-24	50/NQ-HĐND 12/8/2021 của huyện HH	5.000	3.000	800	+ Vốn NS huyện
-	Chợ Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	32 lô quây	22-24	37/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	3.000	1.500	700	+ Vốn NS huyện
10	<b>Cấp nước, thoát nước</b>								
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Cồn Cỏ (giai đoạn 2)	Cồn Cỏ	Giếng bơm thu nước biển và HTTB xử lý	21-23	116/QĐ-UBND 4/10/2021 của huyện CC	17.171	15.500	5.000	+ Vốn NS huyện
11	<b>Hỗ trợ doanh nghiệp</b>								
	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh	Hỗ trợ	21-25					+ Vốn đầu giá đất 4 tỷ
12	<b>Quản lý nhà nước</b>								
*	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>								
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	Đông Hà	Cải tạo	21-22	1242/QĐ-UBND 21/5/2021	2.500	2.500	1.659	
-	Hội trường huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đakrông	Đakrông	226 chỗ	21-23	2712/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện ĐK	7.000	5.500	2.000	+ Vốn NS huyện

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2022	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT			
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>									
-	Trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch Quảng Trị	Đông Hà	2044 m2	21-23	28/NQ-HĐND 12/5/2021	30.000	30.000	7.000		
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	Đông Hà	Cải tạo	22-23	124/NQ-HĐND 30/8/2021	2.500	2.500	1.500		
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND tỉnh	Đông Hà	Cải tạo	22-24	130/NQ-HĐND 30/8/2021	30.000	30.000	9.000		
-	Hội trường huyện ủy Cam Lộ	Cam Lộ	890 m2	22-24	39/NQ-HĐND 5/7/2021 của huyện CL	14.600	8.000	2.500	+ Vốn NS huyện	
-	Sửa chữa nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Triệu Nguyên	Đakrông	990,6 m2	22-24	37/NQ-HĐND 29/7/2021 của huyện ĐK	7.300	6.500	2.000	+ Vốn NS huyện	
-	Sửa chữa trụ sở làm việc chi nhánh Văn phòng đất đai các huyện				144/NQ-HĐND 15/11/2021	3.810	3.810	1.500		
<b>13</b>	<b>Ngành, lĩnh vực khác</b>									
	Chỉ thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại							2.000	Giao Sở Tài chính tham mưu phân bổ	





Biểu số 05

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH 2022**

**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÂN CẤP DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

(Kèm theo Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch 2022	Trong đó		Ghi chú
			Cân đối theo tiêu chí	Thu sử dụng đất	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>499.075</b>	<b>86.075</b>	<b>413.000</b>	
1	Thành phố Đông Hà	152.053	7.053	145.000	
2	Thị xã Quảng Trị	26.026	6.026	20.000	
3	Huyện Vĩnh Linh	84.706	9.706	75.000	
4	Huyện Hướng Hóa	27.340	12.340	15.000	
5	Huyện Gio Linh	34.527	9.527	25.000	
6	Huyện Đakrông	18.553	10.553	8.000	
7	Huyện Cam Lộ	48.168	8.168	40.000	
8	Huyện Triệu Phong	34.480	9.480	25.000	
9	Huyện Hải Lăng	69.134	9.134	60.000	
10	Huyện đảo Côn Cỏ	4.088	4.088		





**Biểu số 06**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022**  
**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**  
(Kèm theo Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch 2022	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT Trong đó: NSDP			
<b>TỔNG CỘNG</b>									
A	CẤP TỈNH QUẢN LÝ					8.324.979	3.088.830	1.130.000	
I	NGUỒN THU TỪ ĐẦU TƯ TƯỐN ĐẤT Ở					8.324.979	3.088.830	717.000	
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất					5.264.065	2.325.225	450.000	
2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất					1.666.918	1.666.918	67.500	
*	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>							185.100	
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	29,5ha	2016-2021	2372/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1829/QĐ-UBND ngày 04/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	251.951	251.951	21.000	Trong đó: Trả nợ vốn vay 21 tỷ đồng
-	Công viên mini Phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà	0,2ha	2021-2022	1230/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	7.300	7.300	1.700	
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	76ha	2011-2021	1609/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	334.041	334.041	7.000	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</i>								
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	84.200	
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	10 ha	2021-2023	2307/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	22.270	22.270	12.000	
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>								
-	Khu đô thị Tân Vĩnh	Đông Hà	18ha	2021-2023	05/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	60.800	60.800	20.000	
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	65ha	2022-2026	106/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	546.680	546.680	39.200	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSEDP		
3	<b>Bổ trí cho các công trình phát triển KTXH khác</b> <b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</b>						<b>658.307</b>	<b>197.400</b>	
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	ĐH, HH	02 đô thị	13-22	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	216.645	69.000	Bao gồm hoàn trả vốn tạm ứng ADB và quỹ phát triển đất
-	Cầu qua sông Nhùng và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	Cầu 398m; đường 810m	2021-2022	1302/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	5.000	5.000	2.600	
-	Cầu Kênh mới, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	22,2 m	2020-2022	880/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	4.500	4.000	1.000	
-	GPMB khu vực hồ nuôi tôm Lập Thạch, phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà		2022	1233/QĐ-UBND 03/6/2021 1577/QĐ-UBND 13/7/2021	9.200	9.200	7.277	Hoàn trả tạm ứng
-	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Đông Hà	0,7km	2020-2022	2323/QĐ-UBND ngày 18/8/2020	63.502	63.502	20.000	
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>								
-	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư							1.000	+ NSCĐ 1 tỷ
-	Cầu Bến Lội, huyện Triệu Phong	TP	45m	2021-2023	1881/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	19.000	19.000	6.000	
-	Đường kết nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị)	TP, HL	23 km	2017-2022	2986/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2163/QĐ-UBND 19/8/2019; 1752/QĐ-UBND 09/7/2021	630.000	13.400	8.000	
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị	TP, QT	7,498,35 m	2018-2022	2514/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	80.000	50.000	8.000	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Đường nối từ cầu chui đường sắt (tại nút giao ĐT575a với quốc lộ 1) đi ĐT575b, huyện Gio Linh	Gio Linh	3253,2m	2021-2022	1036/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	19.500	6.500	3.000	
-	Xử lý, khắc phục một số điểm đen tiềm ẩn tại nạn giao thông trên địa bàn tỉnh	Toàn tỉnh	5 cụm đèn GT	2021-2023	93/NQ-HĐND 16/7/2021	6.500	3.600	3.600	
-	Via hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà	Đông Hà	26510 m2	2022-2024	42/NQ-HĐND ngày 25/6/2021	20.000	20.000	7.400	
-	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Toàn tỉnh		2021-2025				5.000	
-	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh		2021-2025					
+	Hỗ trợ huyện Vĩnh Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							4.000	
+	Hỗ trợ huyện Gio Linh đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							4.000	
+	Hỗ trợ huyện Triệu Phong đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							4.000	Danh mục cụ thể theo phương án hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM được UBND tỉnh phê duyệt
+	Hỗ trợ huyện Hải Lăng đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025							4.000	
*	Các dự án khởi công mới năm 2022								
-	Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	2,4 km	2021-2023	103/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	9.860	9.860	4.000	
-	Công viên đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà	5,0ha	2024-2025	125/NQ-HĐND ngày 30/8/2021	18.000	18.000	400	
-	Mô hình điểm trung chuyển rác, xử lý rác tại các xã thuộc địa bàn huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong	HL, TP, VL	20.400 m2	2022-2024	128/NQ-HĐND 30/8/2021	14.600	14.600	4.000	
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân, TP Đông Hà	Đông Hà	610 m	2022-2023	35/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	12.000	10.000	5.000	
-	Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	Đông Hà	360 m	2022-2023	33/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	20.000	16.000	323	CBDT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	TMĐT Trong đó: NSDP		
-	Xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt khu vực nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và vùng lân cận	Gio Linh	750kg/h	2022-2024	129/NQ-HĐND 30/8/2021	8.418	4.000	2.000	Đối ứng Quỹ BVMT VN
-	Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông	Đakrông	Dài 1.500m	2022-2024	123/NQ-HĐND 30/8/2021	20.000	20.000	5.000	
-	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5	Đông Hà	1,5 km	2022-2024	31/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	51.000	20.000	4.300	+ Vốn ngân sách thành phố
-	Đường Lê Thánh Tông, thành phố Đông Hà (đoạn Lê Lợi - Hùng Vương)	Đông Hà	659 m	2022-2025	32/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của TP Đông Hà	80.000	75.000	7.500	+ Vốn ngân sách thành phố
-	Hệ thống cấp nước tập trung vùng nông thôn	HH, ĐK, CL	5.343 hộ dân	2022-2024	127/NQ-HĐND 30/8/2021	60.000	60.000	7.000	
<b>II</b>	<b>NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ, ĐẦU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG</b>					<b>2.941.552</b>	<b>734.991</b>	<b>260.000</b>	
<b>1</b>	<b>Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất</b>							<b>39.000</b>	
<b>2</b>	<b>Các dự án phát triển KTXH</b>							<b>221.000</b>	
*	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>								
-	Cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà	Đông Hà	300 m	19-21	814/QĐ-UBND ngày 12/4/2019	334.000	25.000	11.553	Hoàn trả vốn ứng trước
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hương Hóa	20,95m	15-18	629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	3.900	Trả nợ KHHT
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	2.857m2	2020-2022	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	5.000	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM
-	Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh	Toàn tỉnh	18.500 ha	16-21	639/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 559/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	104.742	22.600	8.000	Đối ứng NSTW
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>								

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Mức đầu tư kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMĐT	Trong đó: NSDP		
-	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới	Cam Lộ	1668 m	2021-2022	1444/QĐ-UBND 30/7/2021 của huyện CL	10.000	5.500	3.000	
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại	Toàn tỉnh		2021				9.672	Sở Tài chính tham mưu phân bổ chi tiết
-	Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh						4.000	+ NSCDF 1 tỷ
-	Nâng cấp đường DH43 huyện Triệu Phong	Triệu Phong	4045 m	21-23	1989/QĐ-UBND 22/10/2020 của huyện TP	14.825	14.000	7.000	
-	Công trình CH5-02 (giai đoạn 2)	MẬT	MẬT	MẬT	66/QĐ-UBND 5/5/2021	31.000	31.000	14.000	+ Vốn NSDP 1 tỷ
-	Đường gom từ các lối tự mở đến đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2022	Toàn tỉnh	72 trạm	2021-2023	1823/QĐ-UBND 09/7/2020	14.856	10.400	7.000	Trong đó hoàn trả vốn ứng trước 5 tỷ đồng
-	Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn giao thông, kết hợp giám sát an ninh trật tự tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	1400 m	2021-2023	3994/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	14.997	5.000	5.000	Trong đó hoàn trả vốn ứng trước 3 tỷ đồng
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>								
-	Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A đến cảng Cửa Việt	Gio Linh	38,64 ha	2021-2022	10/NQ-HĐND 10/3/2021	75.052	75.000	54.000	
-	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Đakrông	Đakrông	910 m <sup>2</sup>	2021-2022	2716/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của huyện Đakrông	5.000	3.000	2.000	
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây	VL, TP, GL, DH	55,7 km	2021-2025	16/NQ-HĐND ngày 12/5/2021; 40/NQ-HĐND ngày 12/5/2021	2.060.000	416.338	55.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT	Trong đó: NSĐP		
-	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà	Đông Hà	475,55 m	2021-2023	2005/QĐ-UBND ngày 24/7/2020	5.000	5.000	3.875	
-	Đường Nguyễn Trãi nối dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	Đông Hà	472,43m	2021-2023	3000/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của TP Đông Hà	24.000	20.000	5.000	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	3061,68 m	2021-2023	3975/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện H.Hóa	13.000	9.100	3.000	
-	Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đông, TX Quảng Trị (liên kết với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ)	Quảng Trị	945 m	2021-2023	1332/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	5.000	5.000	3.000	
-	Bến xe kết hợp dịch vụ tổng hợp khu vực Cửa Việt; hạng mục san nền và sân bãi đỗ xe	Gio Linh	4,15 ha	2022-2024	3583/QĐ-UBND ngày 24/12/2019	5.665	2.935	2.000	
-	Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh	Đông Hà	2000 m2	2022-2024	126/NQ-HĐND 30/8/2021	23.000	23.000	7.000	
-	Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	0,36 ha	2022-2024	131/NQ-HĐND 30/8/2021	26.800	21.800	8.000	
<b>III</b>	<b>NGUỒN THU ĐẦU TƯ GIÁ QSD ĐẤT Ở TẠI KKT THƯƠNG MẠI ĐẶC BIỆT LAO BẢO</b>					<b>119.362</b>	<b>28.614</b>	<b>7.000</b>	
<b>1</b>	<b>Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất</b>							<b>1.050</b>	
<b>2</b>	<b>Các công trình phát triển quỹ đất và phát triển KTXH khác</b>							<b>5.950</b>	
*	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành trước năm 2022</b>								
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hướng Hóa	20,95m	15-18	629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	2.850	Trả nợ KHHT
-	Công chính KCN Quán Ngang	Gio Linh		2016-2017	2448/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	5.748	1.000	1.000	Trả nợ KHHT
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vinh Linh	140,84ha	2014-2015	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	2.100	Trả nợ KHHT
<b>B</b>	<b>CẤP HUYỆN QUẢN LÝ</b>							<b>413.000</b>	Chi tiết tại biểu số 5

Biểu số 7

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH 2022**

**NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT**

(Kèm theo Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch 2022	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: NSDP		
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>166.514</b>	<b>121.100</b>	<b>40.000</b>	
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>					<b>55.514</b>	<b>32.600</b>	<b>8.800</b>	
*	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</b>								
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà	Đông Hà	813,68 m <sup>2</sup>	19-21	2997/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.500	7.000	1.300	
-	Trường Tiểu học và THCS xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	1.245 m <sup>2</sup>	21-22	2558/QĐ-UBND 31/12/2020 của huyện TP	5.000	4.500	820	
-	Trường Mầm non Hải Thái, huyện Gio Linh	Gio Linh	6 phòng học	21-22	4382/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện GL	6.000	5.500	1.050	
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi, TP Đông Hà. Hàng mục: Nhà hiệu bộ	Đông Hà	465 m <sup>2</sup>	21-22	3096/QĐ-UBND 31/12/2020 của Tp Đ. Hà	4.600	4.400	1.800	
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>								
-	Trung tâm chính trị huyện Vĩnh Linh, hàng mục: Xây mới nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	2 tầng, HT 686m <sup>2</sup>	21-23	14/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	7.000	6.000	2.000	+ Vốn NS huyện cân đối
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>								



*Handwritten signature in blue ink.*

*Handwritten signature in blue ink.*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMĐT Trong đó: NSĐP		
-	Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Quảng Trị; Hạng mục: xây mới giảng đường đa năng, cải tạo và mở rộng nhà hiệu bộ, cải tạo khối phòng học	Đông Hà	GĐĐN: 1.496 m <sup>2</sup> ; NHB, PH	22-24	120/NQ-HĐND 30/8/2021	24.414	5.200	1.830 + Vốn NSĐP
<b>II</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>					<b>95.700</b>	<b>76.000</b>	
*	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2022</i>							
-	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi; hạng mục: Xây mới khoa điều trị dịch bệnh nguy hiểm, nhà cầu nói và cải tạo sửa chữa một số hạng mục khác	Đông Hà	Sửa chữa, xây mới	2022	122/NQ-HĐND 30/8/2021	6.000	6.000	Hoàn trả tạm ứng ngân sách năm 2021
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ; hạng mục: Nhà y tế dự phòng và các hạng mục phụ trợ	Cam Lộ	353,5 m <sup>2</sup>	20-22	2727/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	2.700
*	<i>Các dự án khởi công mới năm 2022</i>							
-	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện	Toàn tỉnh	6140 m <sup>2</sup> + cải tạo, sửa chữa	22-26	121/NQ-HĐND 30/8/2021	74.500	56.500	6.000 + Vốn NSĐP
-	Hỗ trợ đầu tư nâng cấp các trạm y tế xã							
+	Trạm y tế xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh; Hạng mục: xây mới nhà 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh	420 m <sup>2</sup>	22-24	13/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện VL	4.200	4.000	1.250 Hỗ trợ đạt chuẩn NTM
+	Trạm y tế xã Cam Nghĩa	Cam Lộ	460 m <sup>2</sup>	22-24	43/NQ-HĐND ngày 24/6/2021 của huyện CL	5.000	4.000	1.250 + Vốn NS huyện cân đối
<b>III</b>	<b>CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, PHÚC LỢI XÃ HỘI</b>					<b>15.300</b>	<b>12.500</b>	<b>8.000</b>

*PR*

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Quy mô thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch 2022	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSDP		
*	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022</b>								
-	Hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng Khu di tích Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam	Cam Lộ	TN 1258 m; HTĐ 1086 m	21-23	2795/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Sân vận động huyện Đakrông (giai đoạn 1)	Đakrông	7.140 m <sup>2</sup>	21-23	2713/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện ĐK	6.000	5.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối
*	<b>Các dự án khởi công mới năm 2022</b>								
-	Sửa chữa, nâng cấp công viên Lê Duẩn	Đông Hà	420m	22-23	41/NQ-HĐND ngày 25/6/2021 của Tp Đ. Hà	3.300	2.000	2.000	+ Vốn NS Tp cân đối
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới</b>							<b>6.000</b>	Danh mục cụ thể theo phương án hỗ trợ huyện đạt chuẩn NTM được UBND tỉnh phê duyệt
-	Huyện Hải Lăng							1.500	
-	Huyện Triệu Phong							1.500	
-	Huyện Vĩnh Linh							1.500	
-	Huyện Gio Linh							1.500	

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*

